

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 19
Năm 2018

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch : **CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 19**
- Tên tiếng Anh : **Song Da 19 Joint Stock Company**
- Tên viết tắt : **Song Đa 19 JSC**
- Mã cổ phiếu : **SJM**
- Vốn điều lệ : **50.000.000.000 đồng**
- Địa chỉ : **Tầng 3, số nhà 8, ngõ 7 đường Chiến Thắng, Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội.**
- Điện thoại : **043.7876376** - Fax: **043.7876375**
- Website : **http:// www.songda19.com.vn**

Quá trình hình thành và phát triển:

Tiền thân là Xí nghiệp xây dựng trang trí nội thất được thành lập từ khi giải phóng năm 1975 thuộc liên hiệp xây dựng số 2 sau này đổi tên thành Công ty xi măng vật liệu xây dựng và xây lắp Đà Nẵng

- Ngày 26 tháng 6 năm 1997 Bộ xây dựng có quyết định số 387/QĐ về việc thành lập Công ty xây dựng trang trí nội thất Sông Đà 19 thuộc Tổng công ty Sông Đà trên cơ sở Xí nghiệp xây dựng trang trí nội thất thuộc Công ty xi măng vật liệu xây dựng và xây lắp Đà Nẵng.

- Ngày 18 tháng 6 năm 2003 Bộ xây dựng có quyết định số 869/QĐ/BTX của Bộ trưởng Bộ xây dựng về việc chuyển Công ty thành Công ty cổ phần Sông Đà 19 và hoạt động theo giấy phép đăng ký kinh doanh số 3203000128 do sở kế hoạch đầu tư TP Đà Nẵng cấp ngày 15 tháng 7 năm 2003. Từ đây Công ty Cổ phần Sông Đà 19 chính thức hoạt động với số vốn điều lệ ban đầu là 3.000.000.000, đồng (Ba tỷ đồng)

- Ngày 27 tháng 04 năm 2005 Công ty tăng vốn điều lệ lên 4.000.000.000, đồng (Bốn tỷ đồng) theo giấy phép đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ nhất do Sở kế hoạch đầu tư TP Đà Nẵng cấp.

- Ngày 14 tháng 9 năm 2007 Công ty tăng vốn điều lệ lên 15.000.000.000, đồng (Mười lăm tỷ đồng) theo giấy phép đăng ký kinh doanh thay đổi lần 2 do Sở kế hoạch đầu tư TP Đà Nẵng cấp.

- Tháng 12 năm 2007 Công ty được Trung tâm giao dịch Chứng khoán Hà Nội chấp thuận nguyên tắc niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán. Ngày 09 tháng 01 năm 2008 đã được chấp thuận chính thức với mã cổ phiếu là SJM theo quyết định số 03/GCN-TTGDHN

- Ngày 15 tháng 1 năm 2011 Công ty được ủy ban chứng khoán nhà nước cấp giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu ra công chúng với số lượng cổ phiếu phát hành thêm là 3.500.000 cổ phiếu. Ngày 15 tháng 6 năm 2011 Công ty được trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam cấp giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán thay đổi lần thứ nhất số 02/2008/GCNCP-VSD-1. Chứng nhận tổng số chứng

khoán đã đăng ký của Công ty là 5.000.000 cổ phiếu với tổng giá trị chứng khoán đăng ký là 50.000.000.000 đồng.

- Ngày 26/3/2014 Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội quyết định hủy niêm yết cổ phiếu của Công ty từ ngày 25/4/2014.

- Ngày 20/5/2014 Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội quyết định chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu của Công ty trên sàn UPCOM.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

- Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện, đường dây, trạm biến áp, sân bay, bến cảng cầu;

- Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng.

- Đầu tư và kinh doanh cơ sở hạ tầng, kinh doanh nhà, khách sạn

- Đầu tư xây dựng và kinh doanh điện

- Xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị

- Khai thác, chế biến và kinh doanh khoáng sản (trừ khoáng sản Nhà nước cấm)

- Đầu tư và kinh doanh bất động sản

- Phá dỡ, san lấp và chuẩn bị mặt bằng công trình xây dựng

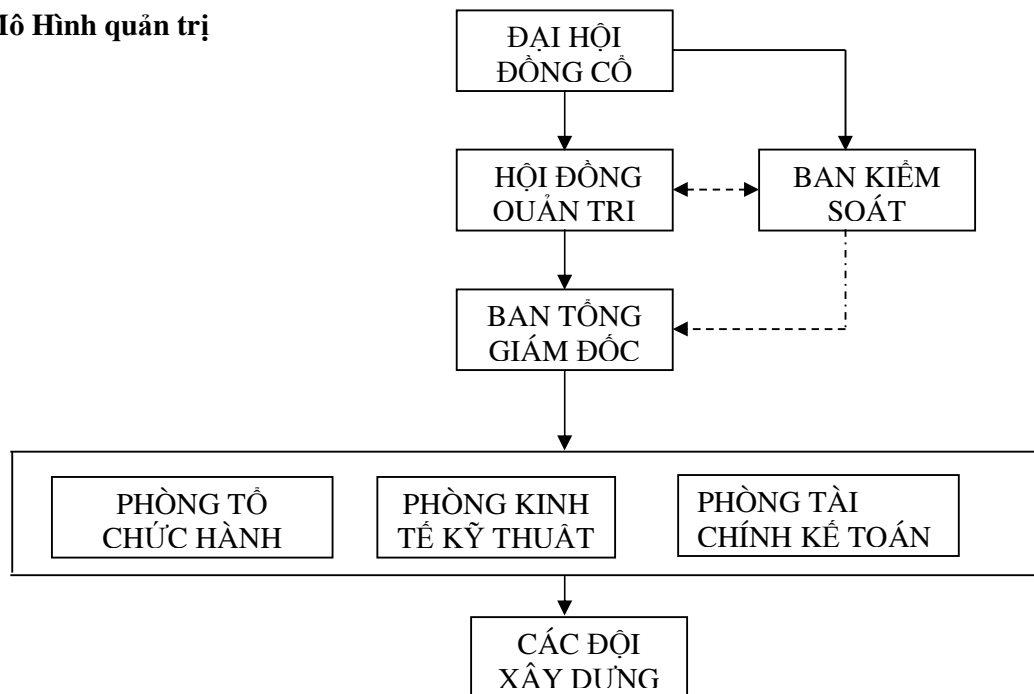
- Dịch vụ nổ mìn

- Trồng cây công nghiệp lâu năm, cây lương thực, cây ăn quả, cây dược liệu...

Do ngành nghề kinh doanh là xây dựng hạ tầng, thủy lợi, thủy điện nên địa bàn hoạt động chính của Công ty trong những năm qua trải dài từ miền Nam trung bộ (Khánh Hòa, Quảng Nam, Đà Nẵng) ra đến khu vực Tây bắc (tỉnh Lai Châu).

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

3.1 Mô Hình quản trị



3.2 Cơ cấu bộ máy quản lý

- Ban Tổng Giám đốc điều hành: 02 người

+ Ông Bùi Tuấn Dũng Tổng Giám đốc

+ Ông Hoàng Việt Thanh Phó Tổng Giám đốc

- Các phòng chức năng: Phòng Tổ chức hành chính, Kinh tế Kỹ thuật, Tài chính kế toán

3.3 Các Công ty liên kết - Công ty TNHH thủy điện ĐắkLây.

- Địa chỉ : **Số nhà 252 Đường Duy Tân, Phường Trường Chinh, Thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.**
- Ngành nghề kinh doanh chính : **Đầu tư, xây dựng**
- Vốn điều lệ thực góp : **14.961.458.336 đồng**
- Tỷ lệ sở hữu : **39,7%**

4. Định hướng phát triển

4.1 Các mục tiêu chủ yếu

- Sắp xếp, cơ cấu lại nguồn vốn đầu tư, đặc biệt là đầu tư dài hạn trong đó xem xét thoái một phần hoặc toàn bộ vốn đầu tư vào các Công ty con, Công ty liên kết;
- Giữ mối liên hệ tốt với Chủ đầu tư nhằm phát triển thêm các công trình mới trong lĩnh vực thi công;
- Tiếp tục tạo niềm tin và duy trì tốt mối quan hệ với các tổ chức tín dụng là đối tác chiến lược, để duy trì nguồn vốn vay tín dụng ổn định đáp ứng nhu cầu vốn thi công các công trình;
- Tập trung công tác thu hồi công nợ thông qua việc thúc đẩy mạnh hoạt động của bộ phận thu hồi công nợ, đặc biệt tập trung vào việc thu hồi công nợ các dự án tại khu vực miền trung và có biện pháp mạnh để giải quyết nợ khó đòi;
- Tính toán phân bổ hợp lý các nguồn vốn trong từng thời gian cụ thể cho từng công trình, dự án nhằm đạt hiệu quả cao nhất;

4.2. Chiến lược phát triển trung, dài hạn:

- Xây dựng kế hoạch tìm kiếm việc làm trong giai đoạn tiếp theo trên cơ sở nghiên cứu kế hoạch phát triển kinh tế của các vùng, ngành, địa phương;
- Công ty chú trọng tập trung lĩnh vực hoạt động sở trường là xây lắp, nhận thầu thi công các công trình xây dựng trong và ngoài nước qua đó tạo công ăn việc làm cho cán bộ công nhân viên, đồng thời tăng doanh thu và lợi nhuận từ hoạt động này;
- Tham gia đấu thầu các công trình phù hợp với năng lực của công ty, cắt giảm chi phí, xác định lợi nhuận hợp lý, để giá dự thầu thấp nhất tăng khả năng trúng thầu;
- Thành lập và sắp xếp lại các Phòng nghiệp vụ nhằm đưa công ty trở thành Công ty hoạt động trên nhiều lĩnh vực và mang lại hiệu quả cao thông qua việc triển khai thêm các lĩnh vực mới;
- Chuẩn bị đội ngũ cán bộ kế cận bằng việc điều động, luân chuyển công việc tại các phòng ban và tại các công trình để từ đó đánh giá được những yếu tố phẩm chất tốt cần phát huy và bồi dưỡng làm nòng cốt cho Công ty sau này.

5. Các rủi ro:

5.1 Rủi ro từ môi trường bên trong

5.1.1 Nguồn nhân sự có chất lượng của công ty còn thiếu: Với lực lượng cán bộ ít về số lượng, trình độ chuyên môn chưa giỏi, đa phần là lực lượng cán bộ trẻ mặc dù có nhiệt huyết trong lao động, tuy nhiên kinh nghiệm thi công và kinh nghiệm quản lý còn yếu.

5.1.2 Năng lực thi công: hiện nay rất nhiều chủng loại máy móc, thiết bị tiên tiến hiện đại cho công tác xây dựng cơ bản được các Công ty lớn đầu tư. Trong khi đó năng lực thi công của Công ty còn nhiều hạn chế, máy móc thiết bị cũ, lạc hậu, hay phải sửa chữa việc này ảnh hưởng không nhỏ đến việc thực hiện kế hoạch SXKD của Công ty.

5.1.3 Công tác tiếp cận và mở rộng thị trường còn rất hạn chế: Đây có lẽ là khâu yếu nhất của Sông Đà 19, với chuyên ngành thi công xây lắp các công trình thủy điện, thủy lợi, hạ tầng, giao thông,

trong khi đó các dự án lớn về thủy điện hiện nay chỉ còn thủy điện Lai Châu, như vậy các dự án thủy điện lớn tại Việt Nam cơ bản đã hết. Năm 2015 nhà nước vẫn tiếp tục cắt giảm đầu tư công, khó khăn trong tiếp cận vốn vay nên không thu hút được đầu tư do đó cơ hội để tìm kiếm việc làm càng khó khăn.

5.2 Rủi ro từ môi trường bên ngoài

5.2.1 Rủi ro từ môi trường tự nhiên: những năm gần đây thời tiết ngày càng khắc nghiệt khó dự đoán trước, việc mưa gió thất thường sẽ làm ảnh hưởng đến các hoạt động sản xuất của Công ty đặc biệt ảnh hưởng đến các dự án thi công cầu, đường.

5.2.2 Rủi ro trong kinh tế: Các chính sách như cắt giảm đầu tư công, giảm tăng trưởng tín dụng của nhà nước làm ảnh hưởng đến cơ hội tìm kiếm việc làm và tiếp cận nguồn vốn với chi phí lãi vay ở mức chấp nhận được của Công ty là rất khó khăn.

5.2.3 Rủi ro tài chính

- *Lãi suất:* Việc sử dụng vốn vay cho hoạt động SXKD thường chiếm tỷ lệ cao trong nguồn vốn kinh doanh. Chính vì thế, sự biến động lãi suất cho vay trên thị trường luôn có những tác động trực tiếp đến chi phí sản xuất kinh doanh của Công ty.

- *Tỷ lệ lạm phát:* Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) trung bình của nhiều năm gần đây tăng cao (20%-50%) làm ảnh hưởng đến chi phí đầu vào. Khi chi phí đầu vào tăng lên do lạm phát thì giá bán đầu ra cũng sẽ tăng lên tương ứng. Phần lớn các Hợp đồng xây dựng công ty ký kết đều không điều chỉnh giá. Như vậy, rủi ro từ lạm phát đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty là khó kiểm soát.

- *Tỷ giá hối đoái:* Các biến động của tỷ giá hối đoái luôn làm ảnh hưởng trực tiếp đến các doanh nghiệp trong lĩnh vực xây dựng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái sẽ ảnh hưởng đến giá các mặt hàng chủ chốt như: thép, xi măng, nhiên liệu...là những loại vật liệu chính của các doanh nghiệp trong lĩnh vực xây dựng. Vì vậy sẽ tác động làm tăng chi phí sản xuất.

5.2.4 Rủi ro từ sự phát triển của khoa học công nghệ trong xây dựng: Trong những năm qua nền khoa học công nghệ của thế giới và trong nước luôn phát triển mạnh mẽ các thế hệ máy móc mới được ra đời với những tính năng vượt trội so với các thế hệ trước. Đối với lĩnh vực xây lắp hiện nay có rất nhiều thiết bị thi công mới hiện đại. Rõ ràng môi trường ứng dụng các khoa học công nghệ mới đang rất thuận lợi cho các doanh nghiệp lớn đổi mới công nghệ sản xuất đồng thời cũng là hạn chế của các doanh nghiệp nhỏ.

5.2.5 Rủi ro từ chính sách pháp luật: Việt Nam đang có thể mạnh nổi bật là có môi trường chính trị, an ninh quốc phòng ổn định thu hút được đầu tư, phát triển kinh tế. Tuy nhiên hệ thống chính sách, pháp luật của Việt Nam thường có nhiều thay đổi, ảnh hưởng không nhỏ đến các doanh nghiệp trong lĩnh vực xây dựng trong và ngoài nước.

5.2.6 Rủi ro từ việc cạnh tranh ngày càng gay gắt: Có thể nói ngành xây dựng hiện nay đang được đánh giá là cạnh tranh khốc liệt nhất, có rất nhiều doanh nghiệp đang thi công từ dân dụng, hạ tầng chuyển sang thi công thủy điện như: Vinaconex, Licogi, Cavico...đồng thời rất nhiều công ty mới đầu tư thiết bị hiện đại, hạ giá thành để cạnh tranh thị trường như các đối thủ cạnh tranh trực tiếp với công ty đã phân tích phần trên.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Xem tại mục III

2. Tổ chức và nhân sự

2.1 Ban điều hành:

2.1.1 Ông BÙI TUẤN DŨNG

- Chức vụ hiện tại : Tổng giám đốc

- Giới tính : Nam
- Ngày sinh : 30/06/1979
- Nơi sinh : Nam Hồng – Nam Sách - Hải Dương
- Quốc tịch : Việt Nam
- Quê quán : Nam Hồng – Nam Sách - Hải Dương
- Chứng minh nhân dân : **017389154** do CA Hà Nội cấp Ngày 14/6/2012
- Địa chỉ thường trú : Văn Quán – Hà Đông – Hà Nội
- Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ thuỷ lợi

- Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
2003 -:- 2004	Công ty Sông Đà 5	Nhân viên
2004 -:- 2009	XN Sông Đà 506 - Công ty Sông Đà 5	Phó giám đốc XN
2009 -:- 2015	Công ty CP Sông Đà 19	Trưởng phòng KTKT
2015 -:- 04/2018	Công ty CP Sông Đà 19	Tổng giám đốc Công ty
05/2018 -:- nay	Công ty CP Sông Đà 19	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc Công ty

2.1.2 Ông Hoàng Việt Thanh

- Chức vụ hiện tại : Phó tổng giám đốc
- Giới tính : Nam
- Ngày sinh : 15/01/1977
- Nơi sinh : Xã Việt Hùng, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình
- Quốc tịch : Việt Nam
- Quê quán : Xã Việt Hùng, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình
- Chứng minh nhân dân : 011794560 cấp ngày 30/03/2006 tại CA Hà Nội
- Địa chỉ thường trú : Số nhà 72 ngõ 1/62/23 Phố Bùi Xương Trạch, phường Khương Đình, quận Thanh Xuân, Hà Nội
- Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ Kế toán

- Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
1999 -:- 2002	Chi nhánh Công ty XD Sông Đà 502	Nhân viên kế toán
2002 -:- 2003	Chi nhánh Công ty XD Sông Đà 502	Kế toán trưởng
2003 -:- 2005	Xí nghiệp Sông Đà 502 – Công ty CP Sông Đà 5	Trưởng ban Tài chính Kế-toán
2005 -:- 2008	Xí nghiệp Sông Đà 506 – Công ty CP Sông Đà 5	Trưởng ban Tài chính Kế toán
2008 -:- 2009	Công ty CP Sông Đà 5	Phó kế toán trưởng
2009 -:- 2012	Công ty CP đầu tư xây dựng và PT năng	Kế toán trưởng

	lượng Sông Đà 5	
2013 -:- 10/2015	Công ty CP Sông Đà 19	Phó kế toán trưởng
11/2015 -:- 9/2018	Công ty CP BOT Biên cương	Kế toán trưởng
10/2018 -:- Nay	Công ty CP Sông Đà 19	Thành viên HĐQT kiêm Phó tổng giám đốc Công ty

2.1.3. Ông NGUYỄN QUỐC CHINH

- Chức vụ hiện tại : Kế toán trưởng
- Giới tính : Nam
- Ngày sinh : 30/10/1982
- Nơi sinh : Thanh Miếu - Việt Trì – Phú Thọ
- Quốc tịch : Việt Nam
- Quê quán : Hồng Dương – Thanh Oai – Hà Nội
- Chứng minh nhân dân : **131618288** Do CA Phú Thọ cấp ngày 10/07/2007
- Địa chỉ thường trú : Văn Quán – Hà Đông - Hà Nội
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Tài chính kế toán

- Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
08/2008 -:- 05/2010	Công ty cổ phần Someco Sông Đà CN tại Quảng Ninh	Nhân viên kinh tế
05/2010 -:- 10/2015	Công ty cổ phần Sông Đà 1	Nhân viên kế toán, Phó kế toán trưởng
11/2015 -:- Nay	Công ty cổ phần Sông Đà 19	Kế toán trưởng

* Tỷ lệ sở hữu cổ phần và những thay đổi trong tỷ lệ nắm giữ cổ phần.

STT	Họ và tên cổ đông	Chức vụ	Số lượng CP nắm giữ tại ngày 27/3/2018	Số lượng CP nắm giữ tại ngày 29/3/2018
1	Bùi Tuấn Dũng	Ủy viên HĐQT- Tổng GD	1.201.694	1.201.694
2	Hoàng Việt Thanh	Phó Tổng giám đốc	10.000	10.000
3	Nguyễn Quốc Chinh	Kế toán trưởng		
	Tổng cộng			

* Thông tin về quyền lợi và thù lao của thành viên Ban điều hành

STT	Họ và tên	Chức vụ	Tiền lương, phụ cấp BQ/ tháng
1	Bùi Tuấn Dũng	Tổng giám đốc	10.400.000
2	Hoàng Việt Thanh	Phó Tổng giám đốc	8.600.000
3	Nguyễn Quốc Chinh	Kế toán trưởng	8.600.000
	Tổng cộng		27.600.000

2.2. Những thay đổi trong Ban điều hành:

2.3 Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động

2.3.1 Số lượng cán bộ công nhân viên

- Tính đến thời điểm 31/12/2018, tổng số lao động hiện có của Công ty là 07 người, trong đó có 05 lao động nam, chiếm 66,7% và 02 lao động nữ, chiếm 40 %. Cơ cấu lao động của Công ty phân loại theo trình độ học vấn như sau:

TT	Trình độ học vấn	Số người	Tỷ trọng (%)
I.	Trình độ chuyên môn		
1	Lao động trình độ trên đại học	2	40
2	Lao động trình độ đại học	5	60
3	Lao động trình độ cao đẳng		
4	Lao động trình độ trung cấp		
5	Lao động công nhân kỹ thuật		
6	Lao động phổ thông		
II.	Hợp đồng lao động		
1	- Không xác định		
2	- Xác định thời hạn		
3	- Lao động thời vụ		
	Tổng cộng	7	100

2.3.2 Chính sách đối với người lao động:

- Nhằm mục tiêu phát triển bền vững và lâu dài, Công ty đã xây dựng chính sách đối với người lao động theo định hướng sau:

- Thực hiện đầy đủ quyền lợi và nghĩa vụ đối với người lao động theo đúng với chế độ chính sách quy định của Nhà nước. Ký hợp đồng lao động đối với mọi thành viên trong Công ty, tổ chức ký thỏa ước lao động tập thể giữa lãnh đạo Công ty và Công đoàn Công ty để đảm bảo quyền lợi cho người lao động.

- Đảm bảo công việc đầy đủ cho người lao động, có chính sách thu hút nguồn cán bộ, công nhân kỹ thuật có tay nghề cao vào làm việc, có chính sách khen thưởng kịp thời đối với cá nhân và tập thể có công lao đóng góp cho Công ty, có biện pháp kỷ luật đối với những cá nhân có hành động ảnh hưởng xấu đến quyền lợi và uy tín của Công ty.

- Công ty cũng đã thực hiện chế độ Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế và các chế độ bảo trợ khác đối với người lao động. Mức thu nhập bình quân của người lao động trong Công ty hiện nay là 5.700.000 đồng/ người/ tháng. Bên cạnh đó, hàng năm đơn vị cũng luôn xây dựng kế hoạch, thực hiện đào tạo và đào tạo lại tay nghề, trình độ cho người lao động bằng nhiều hình thức, nhằm phát triển đội ngũ cán bộ công nhân viên, đáp ứng yêu cầu đa dạng hóa ngành nghề của Công ty, theo kịp trình độ công nghệ của các nước tiên tiến trên thế giới.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

3.1 Các khoản đầu tư lớn: không

3.2 Công ty liên kết: Công ty TNHH Thủy điện Đắk Lắk

+ Công ty TNHH thủy điện Đắk Lắk hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 6100593280 đăng ký lần đầu ngày 04 tháng 10 năm 2011 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Kon Tum cấp.

Có trụ sở chính tại Số nhà 162, Đường Duy Tân, Phường Duy Tân, Thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.

+ Ngày 28/4/2014 Hội đồng Quản trị Công ty đã ra Quyết nghị số 07/2014/NQ-HĐQT về việc thông qua tăng vốn điều lệ của công ty TNHH thủy điện ĐăkLây từ 28 tỷ lên 37 tỷ, cụ thể Công ty CP sông Đà 19 góp 15.561.458.336/37.000.000.000 chiếm 42,06% . Tính đến 31/12/2018 Công ty đã thực góp số tiền là :14.961.458.336 đồng chiếm 39,7%

*** Tóm tắt tình hình hoạt động và tình hình tài chính của Công ty TNHH Thủy điện Đăk Lây**

TT	Chỉ tiêu	Năm nay
1	Tổng doanh thu thực hiện	34.818.673.082
2	Lợi nhuận trước thuế TNDN	8.476.799.059
3	Cơ cấu nguồn vốn và tài sản (thời điểm cuối năm)	
3.1	Tài sản ngắn hạn/ Tổng tài sản	17,60%
3.2	Tài sản dài hạn / Tổng tài sản	82,40%
3.3	Nợ phải trả/ Tổng nguồn vốn	70,16%
3.4	Vốn CSH/ Tổng nguồn vốn	29,84%

4. Tình hình tài chính

4.1 Tình hình tài chính

TT	Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	% tăng, giảm
1	Tổng giá trị tài sản	43.821.285.845	39.334.655.105	-10%
2	Doanh thu thuần	6.463.972.902	1.686.439.182	-74%
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-1.764.015.685	-3.577.860.226	-103%
4	Lợi nhuận khác	-779.234		-100%
5	Lợi nhuận trước thuế	-1.764.794.919	-3.577.860.226	-103%
6	Lợi nhuận sau thuế	-1.764.794.919	-3.577.860.226	-103%
7	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	0%	0%	

4.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: (lần) TSLĐ/Nợ ngắn hạn	0,83	0,79	
+ Hệ số thanh toán nhanh: (lần)	0,76	0,79	

<u>TSLĐ - Hàng tồn kho</u>			
Nợ ngắn hạn			
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,81	0,88	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	4,34	7,50	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho: (vòng)	4,8	0,8	
<u>Giá vốn hàng bán</u>			
Hàng tồn kho bình quân			
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	14,75%	4,29%	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số LN sau thuế/Doanh thu thuần	-27,3%	-212,15%	
+ Hệ số LN sau thuế/Vốn chủ sở hữu	-21,51%	-77,3%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	-4,03%	-9,10%	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	-27,29%	-212,15%	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

5.1 Cổ phần:

Tại ngày 31/12/2018 toàn bộ số lượng cổ phần của Công ty đều thuộc loại chuyển nhượng tự do. Công ty không có cổ phiếu niêm yết tại nước ngoài.

<i>Cổ phần</i>	<i>Số lượng</i>	<i>Tổng mệnh giá</i>	<i>% vốn điều lệ</i>	<i>Ghi chú</i>
1. Chuyển nhượng tự do	5.000.000	50.000.000.000	100	
2. Hạn chế chuyển nhượng				
Tổng cộng	5.000.000	50.000.000.000	100	

5.2 Cơ cấu cổ đông:

Cơ cấu cổ đông tại ngày 27/03/2018 như sau:

<i>Cổ đông</i>	<i>Số lượng cổ phần</i>	<i>Tổng mệnh giá (Triệu đồng)</i>	<i>% /vốn điều lệ</i>	<i>Ghi chú</i>
A. Cổ đông trong nước (651)	4.999.600	49.996,00	99,992%	
I. Cổ đông lớn (01)	1.201.694	12.016,94	24,034%	
1. Tổ chức				
2. Cá nhân	1.201.694	12.016,94	24,034%	
- Bùi Tuấn Dũng	1.201.694	12.016,94	24,034%	
II. Cổ đông nhỏ (650)	3.797.906	37.979,06	75,958%	
B. Cổ đông nước ngoài (03)	400	4,00	0,008%	
- Tổ chức				

- Cá nhân	400	4,00	0,008%	
Tổng cộng (654)	5.000.000	50.000	100%	

5.3 Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Trong năm 2018 Công ty không có thay đổi về tăng, giảm vốn điều lệ

5.4 Giao dịch cổ phiếu quỹ: Đầu năm 2018 Công ty không có cổ phiếu quỹ, trong năm Công ty không thực hiện giao dịch cổ phiếu quỹ.

5.5 Các chứng khoán khác: Trong năm 2018 Công ty không phát hành bất cứ loại chứng khoán khác nào.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

6.1 Quản lý nguồn nguyên vật liệu: Do đặc thù đơn vị hoạt động sản xuất kinh doanh về xây lắp nên nguồn nguyên vật liệu đơn vị sử dụng cho các công trình được nhập và xuất thẳng cho các công trình sử dụng theo tiến độ công trình.

6.2 Tiêu thụ năng lượng: Đơn vị sử dụng điện năng cho hoạt động sản xuất kinh doanh là rất thấp, Công ty sử dụng các thiết bị điện tiết kiệm theo đúng tiêu chuẩn, tránh lãng phí

6.3 Tiêu thụ nước: Sử dụng đường nước sạch tránh thất thoát lãng phí, không gây ô nhiễm ảnh hưởng đến môi trường

6.4 Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường: Trong quá trình xây dựng và phát triển Công ty luôn thực hiện nghiêm chỉnh Luật Bảo vệ môi trường của Nhà nước. Công ty thường xuyên có ý thức và áp dụng các biện pháp bảo vệ môi trường đã đề ra, tuân thủ các quy định và hướng dẫn bảo vệ môi trường quản lý, không gây ô nhiễm và không làm ảnh hưởng xấu tới chất lượng môi trường cho Khu vực.

Do vậy trong quá trình hoạt động Công ty chưa từng bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ pháp luật và các quy định về môi trường.

6.5 Chính sách liên quan đến người lao động

a, Số người lao động có mặt đến 31/12/2018: 07 người. Mức lương trung bình là: 2,3 triệu đồng/người/tháng.

b, Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:

- Công ty luôn xác định vấn đề sức khỏe và an toàn lao động là mục tiêu quan trọng chung của toàn hệ thống Công ty từ Ban giám đốc tới các cấp quản lý đến Công nhân. Công ty luôn áp dụng các chính sách phù hợp với thực tế để đảm bảo chính sách về sức khỏe và an toàn lao động và phúc lợi thực sự có ích cho người lao động.

- Bên cạnh việc bảo vệ sức khỏe cho người lao động Công ty cũng luôn chăm lo tới đời sống anh em cán bộ công nhân viên Công ty. Hàng năm Công ty đều tổ chức nhiều chương trình vui chơi giải trí, nghỉ dưỡng cho cán bộ công nhân viên công ty như: các giải bóng đá phong trào, tổ chức nghỉ mát cho cán bộ công nhân viên dịp 30/4, 1/5 và 2/9, tổ chức thăm hỏi CBCNV ốm đau, hiếu, hi.

c, Hoạt động đào tạo người lao động.

6.6 Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

6.7 Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

1.1 Tình hình thực hiện kế hoạch SXKD:

TT	Tên chỉ tiêu	ĐVT	KH năm 2018	Thực hiện KH SXKD năm 2018	% HT KH 2018
1	Tổng giá trị xây lắp	10 ⁶ đ	11.201	0	

2	Doanh thu	“	7.500	1.686	22,49
3	Lợi nhuận	“	0	-3,578	
4	Thu nhập bq 1 CNV	“	6,5	2,3	35,29
5	TS lợi nhuận/D.thu	%		-212,15	

1.2 Phân tích nguyên nhân:

Năm 2018 Công ty lỗ 3.577.860.226 đồng. Nguyên nhân là do các yếu tố sau:

1.2.1 Nguyên nhân khách quan:

+ Trong năm Công ty thực hiện trích lập dự phòng bổ sung: 2,367 tỷ đồng đối với các khoản đầu tư vào Công ty liên kết như:

- Công ty TNHH thủy điện Đắk Lắk : 2,229 tỷ đồng;
- Công ty cổ phần thủy điện Sông Đà - Tây Nguyên : 138 triệu đồng.

+ Bên cạnh đó trong năm Công ty lỗ 1,059 tỷ đồng từ hoạt động SXKD.

1.2.2 Công tác nghiệm thu, thanh quyết toán:

Công tác nghiệm thu thanh quyết toán tại các công trình đã được lãnh đạo Công ty đặc biệt quan tâm. Đối với các khoản dở dang và công nợ phải thu, Công ty đã thành lập bộ phận thu vốn do Tổng giám đốc trực tiếp chỉ đạo các bộ phận thu hồi công nợ và tập trung đặc biệt vào các công trình có giá trị dở dang lớn như Dự án Nam Xa La, Thăng Long - Victory, Thủy điện Lai Châu. Do đó giá trị dở dang tại thời điểm cuối năm đã giảm 84% so với đầu năm.

1.3. Những tiến bộ công ty đã đạt được.

1.3.1 Công tác quản lý điều hành và tổ chức sản xuất:

- Đã ổn định và kiện toàn bộ máy tổ chức, quản lý điều hành của Công ty, phân công nhiệm vụ cụ thể đến từng cán bộ giữ chức vụ quản lý nhằm phát huy tối đa tính năng động, tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong chỉ đạo điều hành công việc;

- Xây dựng được cơ chế quản lý khoán đội phù hợp đối với các công trình nhỏ, công trình ở xa trụ sở từ đó phát huy được nguồn lực trong Công ty, nâng cao vai trò của Đội trưởng và người lao động;

- Duy trì tốt hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO.

1.3.2 Công tác quản lý chất lượng, công tác an toàn:

- Lập hồ sơ đầy đủ trước khi thi công, quản lý hồ sơ thi công chất lượng công trình đầy đủ;

- Phối hợp giải quyết tốt các vướng mắc trong công tác thiết kế và biện pháp tổ chức thi công;

- Chất lượng công tác an toàn lao động tiếp tục được duy trì tốt, trong năm không xảy vụ tai nạn lao động nào.

1.3.3. Công tác quản lý lao động, tuyển dụng, đào tạo nhân lực

- Việc tuyển dụng lao động đã được quan tâm, chủ yếu là lực lượng trẻ mới ra trường trình độ và kinh nghiệm làm việc còn hạn chế nhưng cơ bản đáp ứng được nhiệm vụ sản xuất kinh doanh;

- Thường xuyên kiểm tra đôn đốc việc thực hiện kỷ luật lao động tại hiện trường cũng như tại các phòng ban;

- Thực hiện chưa đầy đủ chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và các chế độ bảo trợ khác đối với người lao động, hàng tháng thanh toán lương cho người lao động chưa đầy đủ và đúng kỳ.

1.3.4. Công tác quản lý tài chính, kinh tế- kế hoạch.

- Thực hiện đầy đủ và hoàn thiện công tác hạch toán kinh doanh hàng tháng, quý, năm làm cơ sở chỉ đạo điều hành các hoạt động SXKD;

- Huy động đủ vốn phục vụ cho hoạt động SXKD

- Xây dựng và triển khai kịp thời kế hoạch sản xuất kinh doanh của đơn vị phù hợp với định hướng phát triển;

- Kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm, hàng quý đã được xây dựng đầy đủ là cơ sở cho việc chuẩn bị các điều kiện về nhân lực, xe máy, thiết bị, vật tư, tiền vốn... việc kiểm tra đôn đốc thực hiện kế hoạch thực hiện thường xuyên;

- Chất lượng công tác kế hoạch từng bước được cải thiện và dần đi vào nề nếp.

1.3.5. Công tác thu hồi vốn.

Nhận thức tầm quan trọng của công tác này, Tổng giám đốc đã phân công cụ thể cho các thành viên trong Ban tổng giám đốc trực tiếp chỉ đạo từng công trình, cũng như phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng chủ công trình, thường xuyên kiểm điểm tình hình thực hiện. Tuy nhiên Công ty vẫn gặp khó khăn do chủ đầu tư không hợp tác.

* Kết luận: Trong năm 2018 có rất nhiều khó khăn, thách thức:

+ Không có công trình thi công gói đầu;

+ Quyền lợi của cổ đông (cổ tức) không được bảo đảm;

+ Doanh thu thấp, công nợ phải thu và giá trị khối lượng dở dang vẫn còn rất lớn.

Tất cả những yếu kém trên hội tụ và phản ánh bức tranh kinh tế của Công ty là yếu kém và chưa vững chắc.

Trong bối cảnh nêu trên để đạt được mục tiêu tổng quát đặt ra cho năm 2018 đòi hỏi sự nỗ lực vượt bậc hơn nữa của toàn công ty từ ban lãnh đạo đến từng CBCNV phải thực hiện đồng bộ, quyết liệt các nhiệm vụ và giải pháp đề ra.

2. Tình hình tài chính

2.1 Tình hình tài sản

Tổng tài sản năm 2018 giảm so với năm 2017 là do các yếu tố sau:

- Tài sản ngắn hạn: Giá trị hàng tồn kho là chỉ tiêu giảm lớn nhất do năm 2018 Công ty chủ yếu tập trung thực hiện công tác thu vốn dứt điểm tại công trình dự án Thăng Long Victory - Nam An Khánh – Hoài Đức – Hà Nội và Nhà máy thủy điện Lai Châu. Đồng thời trong năm Công ty đã quyết liệt thực hiện quyết toán xong công trình Thăng Long Victory - Nam An Khánh – Hoài Đức – Hà Nội. Do đó đã làm giá trị dở dang giảm 2,2 tỷ đồng.

2.2 Tình hình nợ phải trả

Tính đến 31/12/2018 Tổng nợ của Công ty là 34,706 tỷ đồng bằng 88,23% tổng nguồn vốn. Trong đó Nợ ngắn hạn chiếm 100% trong tổng nợ là do tình hình thu hồi vốn tại các công trình chậm, các nguồn tín dụng bị hạn chế làm cho tăng công nợ phải trả khách hàng và các khoản công nợ khác.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: Được giải trình đầy đủ và đăng tải theo báo cáo tài chính trên Website của Công ty cổ phần Sông Đà 19

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Năm 2018 mặc dù Nhà nước đã có các giải pháp hỗ trợ nhưng các doanh nghiệp Việt Nam vẫn gặp rất nhiều khó khăn do ảnh hưởng của khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế toàn cầu. Đối mặt

với những khó khăn chung của nền kinh tế trong năm qua tập thể CBCNV Công ty đó có nhiều nỗ lực, cố gắng tập trung đẩy mạnh công tác sản xuất kinh doanh, phát huy tối đa sức mạnh tập thể. Các chỉ tiêu kinh tế năm 2018 của Công ty cụ thể như sau:

ĐVT: 10⁶ đ

TT	Chỉ tiêu	KH	TH	Tỷ lệ TH/KH (%)
1	Sản lượng	11.201	0	
2	Tổng doanh thu	7.500	1.686	22,49
3	Lợi nhuận trước thuế	0	-3,578	
4	Thu nhập bq/CBCNV	6,5	2,3	35,29
5	Tỷ lệ trả cổ tức			

Thực hiện Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018, dưới sự chỉ đạo của Hội đồng quản trị, sự điều hành của Ban Tổng giám đốc, ngay từ đầu năm 2018 Công ty đã triển khai các biện pháp nhằm thực hiện các mục tiêu và nhiệm vụ như:

- Đã ổn định và kiện toàn bộ máy tổ chức, quản lý điều hành của Công ty theo định hướng phù hợp với điều kiện SXKD của đơn vị;

- Chỉ đạo Ban Tổng giám đốc đẩy nhanh tiến độ thi công các công trình đã ký hợp đồng, có vốn và mặt bằng thi công;

- Tìm kiếm và phát triển thị trường;

Tuy nhiên năm 2018 Công ty không đạt được một số chỉ tiêu kinh tế đề ra do các nguyên nhân:

- Tiềm lực tài chính và năng lực thi công hiện chưa đủ mạnh để cạnh tranh với các doanh nghiệp trong ngành xây lắp cũng như tham gia đấu thầu các công trình lớn;

- Tình trạng thi công chưa đủ điều kiện như: thiếu mặt bằng, thiết kế sửa đổi bổ sung chậm phê duyệt, việc bố trí vốn của chủ đầu tư vừa thiếu vừa không phù hợp với tiến độ thi công đã làm cho công tác thi công kéo dài, giảm hiệu quả sản xuất kinh doanh;

- Đội ngũ Cán bộ quản lý, kỹ thuật chưa thật sự mạnh;

- Chưa thực hiện tốt chính sách thu hút, đãi ngộ đối với cán bộ có năng lực.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

- Ban giám đốc Công ty cũng là thành viên HĐQT nên việc Báo cáo, cung cấp thông tin về hoạt động của Ban Tổng giám đốc cho HĐQT tiếp cận tới các thành viên thường xuyên trao đổi thông tin, tham vấn các vấn đề quản trị trong việc điều hành Sản xuất kinh doanh của Công ty qua Email, điện thoại ngoài cuộc họp thường kỳ.

- Hội đồng quản trị tiếp tục theo dõi, giám sát và có những quyết sách chỉ đạo bám sát tình hình kinh doanh cũng như hoạt động điều hành của Ban Tổng giám đốc. Việc giám sát được thực hiện qua báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh hàng tháng, quý

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Năm 2018 với những cơ hội và thách thức mới, để giữ vững và phát triển nâng cao hiệu quả SXKD, Hội đồng quản trị Công ty sẽ tập trung chỉ đạo vào các lĩnh vực sau:

- Chỉ đạo phân tích, đánh giá tình hình hoạt động SXKD năm 2018, chấn chỉnh các mặt hoạt động trong năm 2018, các giải pháp khắc phục trong năm 2018;

- Thông qua kế hoạch SXKD năm 2018, kế hoạch tài chính, lợi nhuận, dự toán chi phí quản lý doanh nghiệp;

- Kiện toàn, định biên sắp xếp lại bộ máy quản lý cho phù hợp với tình hình mới để thực hiện thắng lợi kế hoạch SXKD năm 2018;

- Tăng cường công tác quản lý, tập trung nguồn lực đảm bảo theo hợp đồng đã ký kết;
- Rà soát, điều chỉnh lại các quy định quy chế phụ hợp với tình hình SXKD;
- Duy trì các cuộc họp HĐQT.

3.1. Một số chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2019 :

TT	Các chỉ tiêu chính	ĐVT	KH năm 2019	Ghi chú
A	GIÁ TRỊ SX KD			
I	TỔNG GIÁ TRỊ SXKD	10³đ	5.000.500	
II	DOANH SỐ BÁN HÀNG	10³đ	2.750.000	
1	Doanh thu	“	2.500.000	
2	Thuế GTGT đầu ra	“	250.000	
III	LỢI NHUẬN	10³đ		
1	Tỷ suất lợi nhuậnTT/Doanh thu	%		
2	Tỷ suất lợi nhuận/Vốn điều lệ	%		
B	KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ	10³đ	0	
1	Đầu tư tài chính	“		
2	Mua sắm tài sản	“		

V. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

- Số lượng thành viên HĐQT của Công ty gồm 03 Thành viên. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc ĐHĐCĐ, HĐQT có các quyền sau:

- + Quyết định cơ cấu tổ chức, bộ máy của Công ty;
- + Quyết định chiến lược đầu tư, phát triển của Công ty trên cơ sở các mục đích chiến lược do ĐHĐCĐ thông qua;
- + Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, giám sát hoạt động của Ban Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý Công ty;
- + Kiến nghị, sửa đổi bổ sung Điều lệ, báo cáo tình hình kinh doanh hàng năm, báo cáo tài chính, quyết toán năm, phương án phân phối, sử dụng lợi nhuận và phương hướng phát triển, kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm của Công ty trình ĐHĐCĐ;
- + Triệu tập, chỉ đạo chuẩn bị nội dung và chương trình cho các cuộc họp ĐHĐCĐ;
- + Đề xuất việc tái cơ cấu hoặc giải thể Công ty;
- + Các quyền khác được quy định tại Điều lệ Công ty.

* Ông **HOÀNG VIỆT THANH**

Lý lịch xem tại lý lịch tóm tắt của các thành viên Ban điều hành

* Ông **Bùi Tuấn Dũng**

Lý lịch xem tại lý lịch tóm tắt của các thành viên Ban điều hành

* Bà **NGUYỄN THỊ THANH BÌNH**: Trưởng ban kiểm soát

- Chức vụ : Phó Phòng tổ chức hành chính
- Giới tính : Nữ
- Ngày sinh : 11/02/1972
- Nơi sinh : Thành phố Hòa Bình – Tỉnh Hòa Bình
- Quốc tịch : Việt Nam
- Quê quán : Nghi Xá – Nghi Lộc - Nghệ An
- Chứng minh nhân dân : 012583315 do CA Hà Nội cấp ngày 10/12/2011
- Địa chỉ thường trú : Tập thể y tế I, tổ 10, phường Dịch Vọng Hậu, Cầu Giấy, Hà Nội
- Trình độ chuyên môn : Kế toán

- Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
1992- 1993	XN đời sống – Cty XD công trình ngầm	Nhân viên
1993-1999	Công ty XD công trình ngầm Sông Đà 10	Nhân viên phòng TCHC
1999- 2000	XN xây lắp và thi công 10.1 - Công ty XD công trình ngầm Sông Đà 10	Nhân viên phòng kế toán
2000 -2002	Công ty Sông Đà 11	Nhân viên phòng kế hoạch
2002- 2007	Trung tâm thí nghiệm điện - Công ty Sông Đà 11	Nhân viên phòng kế toán
2007-2009	Công ty CP KT điện Sông Đà	Nhân viên phòng kế toán
2009 đến nay	Công ty CP Sông Đà 19	Phó phòng TCHC

Lý lịch xem tại lý lịch tóm tắt của các thành viên Ban điều hành

a) **Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:** Căn cứ vào tình hình thực tế và yêu cầu công việc cho đến năm 2018 Công ty chưa thành lập các tiểu ban giúp việc cho HĐQT.

b) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

- Hội đồng quản trị định kỳ (mỗi quý 1 lần) và tổ chức một số buổi họp đột xuất khác theo yêu cầu của công tác SXKD để kiểm điểm thực hiện các nhiệm vụ của kỳ trước, thông qua chủ trương và chỉ đạo sát sao việc thực hiện các mục tiêu sản xuất kinh doanh của Công ty, đưa ra hướng giải quyết các vấn đề phát sinh, thông qua các chương trình hoạt động, ban hành các nghị quyết, quyết định...kịp thời cho công tác chỉ đạo hoạt động sản xuất kinh doanh. Trong năm HĐQT đã ban hành 05 Nghị quyết phục vụ cho công tác điều hành SXKD của Công ty;

- Các nghị quyết của Hội đồng quản trị được xây dựng trên nguyên tắc tập thể đảm bảo tính khách quan và tập trung trí tuệ của các thành viên Hội đồng quản trị;

- Hội đồng quản trị đã thực hiện các chức năng, nhiệm vụ quy định tại Điều lệ của Công ty và quy chế hoạt động của HĐQT;

- Thực hiện tốt việc sửa đổi bổ xung hoàn thiện và ban hành các quy chế, quy định cũ đã ban hành theo đúng quy định của pháp luật và phù hợp với tình hình thực tế của đơn vị;

c) **Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành:** Công ty không có thành viên HĐQT độc lập

d) **Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị:** Công ty chưa có các tiểu Ban giúp việc HĐQT.

e) **Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm:** Tất cả thành viên HĐQT Công ty đều đã tham gia các lớp học bồi dưỡng về quản trị Công ty. Tất cả thành viên HĐQT đều đã có chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty.

2. Ban Kiểm soát

a) **Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát: (danh sách thành viên Ban kiểm soát, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành).**

BKS do ĐHĐCĐ bầu ra gồm 03 thành viên để thực hiện giám sát HĐQT, Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty. BKS chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ và pháp luật về những công việc thực hiện các nhiệm vụ được giao. Thành viên Ban kiểm soát Công ty gồm có 3 ông (bà) sau:

* Ông **NGUYỄN KHẮC CHIẾN: Trưởng ban kiểm soát**

- Chức vụ hiện tại : Trưởng phòng Tổ chức hành Chính Công ty CP Sông Đà 19
- Giới tính : Nam
- Ngày sinh : 12/01/1967
- Nơi sinh : Nghĩa Hưng - Quốc Oai – Hà Nội
- Quốc tịch : Việt Nam
- Quê quán : Nghĩa Hưng - Quốc Oai – Hà Nội
- Chứng minh nhân dân : 017390334 cấp ngày 21/7/2012 tại Hà Nội
- Địa chỉ thường trú : Số 25- Ngõ 9, Phố An Hòa, Mộ Lao, Hà Đông, Hà Nội
- Trình độ chuyên môn : Kế toán

- **Quá trình công tác:**

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
1990-1991	XN1 – Cty vận tải 500 xe Ninh Bình	Công nhân
1991-1998	Công ty CP Sông Đà 9	Nhân viên kế toán
1999-2001	XN 903 - Công ty CP Sông Đà 9	Nhân viên kế toán
2001-2003	XN 908 - Công ty CP Sông Đà 9	Trưởng ban TCHC
2004-2006	CN 908 - Công ty CP Sông Đà 9	Trưởng ban TCHC
2006-2012	BQLDA tòa nhà HH4 – TCT Sông Đà	Trưởng phòng TCHC
2012 đến nay	Công ty CP Sông Đà 19	Trưởng phòng TCHC

* Ông **BÙI ANH NGỌC: Thành viên Ban kiểm soát**

- Chức vụ hiện tại : Cán bộ kỹ thuật Công ty CP Sông Đà 19
- Giới tính : Nam

- Ngày sinh : 28/05/1978
- Nơi sinh : Nam Hồng – Nam Sách – Hải Dương
- Quốc tịch : Việt Nam
- Quê quán : Nam Hồng – Nam Sách – Hải Dương
- Chứng minh nhân dân : 141928706 cấp ngày 7/8/2010 tại Hải Dương
- Địa chỉ thường trú : P428, VP3, Bán đảo Linh Đàm, Hoàng Mai, Hà Nội
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân xây dựng cầu đường

- Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
2002-2011	Công ty CP tập đoàn xây dựng Thăng Long Hà Nội	Cán bộ kỹ thuật
2012- T12/2015	Công ty xây dựng Hồng Hà Dầu Khí Hà Nội	Cán bộ kỹ thuật
T12/2015 đến nay	Công ty CP Sông Đà 19	Cán bộ kỹ thuật

*** Ông TRẦN VĂN GIANG: Thành viên Ban kiểm soát**

- Chức vụ hiện tại : Cán bộ kỹ thuật Công ty CP Sông Đà 19
- Giới tính : Nam
- Ngày sinh : 14/11/1981
- Nơi sinh : Bệnh viện Sông Đà Hòa Bình
- Quốc tịch : Việt Nam
- Quê quán : Cẩm Sơn, Cẩm Giàng, Hải Dương
- Chứng minh nhân dân : 017498621
- Địa chỉ thường trú : Số 9, Ngõ 5, Ao Sen, Phường Mộ Lao, Quận Hà Đông, Hà Nội.
- Trình độ chuyên môn : Thạc sĩ xây dựng Dân dụng và Công trình

- Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
2006 - 2008	Xí nghiệp Sông Đà 12-5, Công ty cổ phần Sông Đà 12	Cán bộ kỹ thuật
2009 - 2015	Công ty CP Sông Đà 19	Cán bộ kỹ thuật
08/2015 - 04/2017	Công ty CP Sông Đà 19	Phó phòng KT-KT
05/2017 - nay	Công ty CP Sông Đà 19	Phó phòng KT-KT, Thư ký HDQT, Thành viên BKS

b) Hoạt động của Ban kiểm soát: (đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của Ban kiểm soát, nội dung và kết quả của các cuộc họp).

- Năm 2018 Ban kiểm soát đã triển khai hoạt động theo đúng quyền hạn, nhiệm vụ được quy định tại Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và quy chế tổ chức và hoạt động của Ban, chú trọng kiểm tra, kiểm soát toàn bộ hoạt động của Công ty. Ban kiểm soát đã lập kế hoạch, xây dựng chương trình công

tác năm 2018 và phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên, triển khai kiểm tra, giám sát thường xuyên mọi hoạt động của Công ty, định kỳ kiểm tra trực tiếp.

- Trên cơ sở thông tin tài liệu về công tác quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty do Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, các phòng ban chức năng của Công ty cung cấp, các thành viên Ban kiểm soát đã thực hiện các công việc như: Kiểm tra, rà soát lại các tờ trình của Tổng giám đốc, Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị đồng thời có ý kiến đóng góp kịp thời.

- Các cuộc họp của HĐQT Ban kiểm soát đều tham dự đầy đủ.

- Hàng quý thực hiện thẩm định báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, Báo cáo tài chính, báo cáo quản trị của Công ty, có ý kiến đóng góp để đơn vị chỉnh sửa kịp thời đảm bảo báo cáo được lập theo đúng quy định, phản ánh trung thực tình hình tài chính của đơn vị.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

Họ và tên	Chức vụ	Tiền lương BQ/tháng	Thù lao BQ/tháng
1. Bùi Tuấn Dũng	Ủy viên HĐQT, TGD	10.500.000	5.000.000
2. Hoàng Việt Thanh	Ủy viên HĐQT	8.600.000	3.000.000
3. Nguyễn Thị Thanh Bình	Trưởng BKS	7.000.000	3.000.000
4. Nguyễn Khắc Chiến	Trưởng BKS	7.500.000	1.500.000
5. Bùi Anh Ngọc	Thành viên BKS	6.500.000	1.500.000
6. Trần Văn Giang	TV BKS, Thư ký HĐQT	7.500.000	3.000.000
7. Nguyễn Quốc Chinh	Kế toán trưởng	8.600.000	
Tổng cộng			17.000.000

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không

c) **Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:** (Thông tin về hợp đồng, hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đã được thực hiện trong năm với công ty, các công ty con, các công ty mà công ty nắm quyền kiểm soát của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), các cán bộ quản lý và những người liên quan tới các đối tượng nói trên)

- Trong năm 2018 Công ty không thực hiện huy động vốn lưu động của CBCNV;
- Đối với Công ty TNHH thủy điện ĐắkLây: không phát sinh

d) **Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:** Công ty đã và đang thực hiện theo đúng các quy định về quản trị Công ty.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Công ty chưa thực hiện đầy đủ việc đối chiếu số dư nợ phải trả tại ngày 31 tháng 12 và 01 tháng 01 năm 2018. Số dư chưa được đối chiếu bao gồm: Phải trả người bán ngắn hạn (14.021.853.464 VND và 9.950.679.171 VND) (thuyết minh V.10) và Phải trả ngắn hạn khác (11.807.771.608 VND và 8.237.186.057 VND) (thuyết minh V.14). Bằng các thủ tục kiểm

toán bổ sung, thay thế, chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để đưa ý kiến về các số dư nêu trên tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và ngày 01 tháng 01 năm 2018, cũng như ảnh hưởng đến báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Công ty (nếu có).

Khoản dự phòng đầu tư tài chính của Công ty TNHH Thủy điện Đăk Lây (thuyết minh V.2) được trích lập dự phòng bổ sung dựa trên Báo cáo tài chính sau kiểm toán năm 2017 do Công ty chưa thu thập được Báo cáo tài chính năm 2018 của đơn vị nhận đầu tư.

Công ty chưa thực hiện đầy đủ việc phân tích tuổi nợ, đánh giá khả năng và biện pháp thu hồi đối với các số dư nợ phải thu lâu ngày. Bằng các thủ tục kiểm toán bổ sung, thay thế, chúng tôi không thể đưa ra ước tính độc lập về chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi cần trích lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

2. Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sông Đà 19 tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

3. Vấn đề cần nhấn mạnh

Không phủ nhận ý kiến nêu trên, chúng tôi muốn lưu ý người đọc đến thuyết minh số VII.3 trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính về khoản lỗ của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 3.577.860.226 VND và lỗ lũy kế của Công ty tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 45.371.472.430 VND, các khoản nợ ngắn hạn của Công ty đã vượt quá tài sản ngắn hạn là 7.153.086.676 VND. Những điều kiện này, cùng những vấn đề khác được nêu trong thuyết minh số VII.3, cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

4. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn A&C tại Hà Nội và được đăng tải đầy đủ trên Website của Công ty cổ phần Sông Đà 19.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY



A handwritten signature in blue ink, appearing to be "Bùi Tuấn Dũng", written over a horizontal line.

TỔNG GIÁM ĐỐC
Bùi Tuấn Dũng